

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HS - ST
Ngày: 09 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Minh Tính**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*
Bà: **Từ Thanh Thùy** - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2019/TLST- HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị T** – sinh năm 1990; huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn Thương (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nhỏ (đã chết); Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/7/2019 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Chị **Lê Thị Th** – sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Cái Bát, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 18/6/2019 Lê Thị T ở khóm 4, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời đến nhà của em ruột tên Lê Thanh Săn ở ấp cái Bát, xã Hòa Mỹ, huyện C để thăm cha ruột là ông Lê Văn Thương đang bị bệnh.

Khi đến nhà anh Săn, lúc này trong nhà chỉ có ông Thương nằm ở nhà trên và cháu Lê Thúy Duy, sinh ngày 08/9/2005 (con anh Săn) đang ở nhà sau. T đưa cho Duy 200.000 đồng đi trả nợ cho người hàng xóm, Duy vừa đi khỏi, T thấy trong người khó chịu nên đến chỗ cái bàn gần bếp tìm thuốc uống thì phát hiện trong cái hộp cờ vua để trong cái rổ màu vàng trên bàn có một túi vải màu đỏ, kiểm tra bên

trong thấy có 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 07 chỉ 02 phân 02 ly của chị Huỳnh Thị Th (vợ anh Săn) nên T nảy sinh ý định lấy trộm số tài sản trên đem bán lấy tiền trả nợ. T lấy tài sản giấu vào túi quần đang mặc rồi ra vòng ngoài hành lang nhà sau nằm.

Khoảng 05 phút sau Duy về và xuống bếp nấu nước, T tiếp tục đi tìm thuốc uống, nghe tiếng động chỗ cái bàn nơi cất vàng, Duy đi lên xem thì T bỏ đi, thấy nghi ngờ, Duy đến kiểm tra thì phát hiện toàn bộ số vàng đã bị mất nên gọi điện báo cho chị Th, anh Săn hay, sau đó chị Th trình báo chính quyền địa phương đến lập biên bản và mời T về Công an xã Hòa Mỹ làm việc và T đã giao nộp lại toàn bộ số vàng trên.

Vật chứng liên quan đến vụ án thu hồi được gồm:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 07 chỉ 02 phân 02 ly;
- 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ 05 phân.

Tại kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, kết luận: Tổng trị giá tài sản bị can T lấy trộm của chị Th là 28.105.400 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm không năm nghìn bốn trăm đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị T khai nhận: Do thấy cái hộp có đựng 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 07 chỉ 02 phân 02 ly của chị Huỳnh Thị Th (vợ anh Săn) nên T nảy sinh ý định lấy trộm số tài sản trên đem bán lấy tiền trả nợ. Bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do nhất thời nổi lòng tham nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 39/QĐ-VKS ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C cho rằng: Ngày 18/6/2019, Lê Thị T có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 07 chỉ 02 phân 02 ly của chị Huỳnh Thị Th 45.500.000 đồng, theo kết luận định giá tài sản tổng số tiền 28.105.400 đồng là có xảy ra. Do đó, đề nghị Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 02 năm.

Đối với người bị hại Huỳnh Thị Th trong quá trình điều tra đã nhận lại số tiền là 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 07 chỉ 02 phân 02 ly. Hiện nay không yêu cầu bị cáo T bồi thường tiếp, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa xét xử vắng mặt chị Th theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Thị T nói lời nói sau cùng trước Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa tuyên án. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 13 giờ ngày 18/6/2019, lợi dụng trong nhà không có người, bị cáo Lê Thị T lén lúc lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 07 chỉ 02 phân 02 ly của chị Th là thực tế có xảy ra, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của người bị hại, hiện trường vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ.

Do đó, hành vi của bị cáo Lê Thị T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức bình thường, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, trong vụ án này bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với quyết tâm cao thể hiện là bị cáo có hành vi lén lúc lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 07 chỉ 02 phân 02 ly của chị Th. Hành vi của bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương; gây tâm lý lo âu cho người dân trong việc quản lý tài sản của mình. Đặc biệt tình hình trộm cắp trên địa bàn huyện C đang diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, gây bức xúc trong nhân dân và được chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm trong thời gian qua.

[4] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa sẽ xem xét, cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về Trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị T đã nhận lại tài sản là 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 2,5 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 07 chỉ 02 phân 02 ly, hiện chị Th không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo Lê Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người bị hại Huỳnh Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

Số: 01/2018/TB – TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 29 tháng 01 năm 2018

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ vào các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xét thấy bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HS-ST ngày 09/01/2018 có lỗi chính tả, nhầm lẫn, cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung tại dòng 22 , trang số 3 từ trên xuống của bản án 01/2018/HS-ST ngày 09/01/2018 có ghi: ...áp dụng khoản 1 Điều 205, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự,...

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: *...áp dụng khoản 1 Điều 205, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự,...*

2. Tại dòng 12, 14 trang số 02 của bản án nêu trên có ghi: ... đi làm, không đi nhờ xe của bạn được nên khi Cật gọi điện hỏi mượn xe **môt ô** 69E1.255.49 thì Hận liền đồng ý cho Cật mượn xe. Bị cáo Trần Văn Hận biết rõ hành vi giao xe **môt ô** biển số 69E1-255.49 có dung tích xi lanh 109,1 cm³ cho Trần Văn Hận ...

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: *... đi làm, không đi nhờ xe của bạn được nên khi Cật gọi điện hỏi mượn xe **mô tô** 69E1.255.49 thì Hận liền đồng ý cho Cật mượn xe. Bị cáo Trần Văn Hận biết rõ hành vi giao xe **mô tô** biển số 69E1-255.49 có dung tích xi lanh 109,1 cm³ cho Trần Văn Hận ...*

3. Tại dòng 1, 8 trang 5 từ trên xuống bản án nêu trên có ghi: ...Bộ luật hình sự năm 1999 được **sử** đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ pháp luật.... Điều 205 của Bộ luật hình sự năm 1999 được **sử** đổi bổ sung năm 2009 mà Viện kiểm..

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: *: ...Bộ luật hình sự năm 1999 được **sửa** đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ pháp luật.... Điều 205 của Bộ luật hình sự năm 1999 được **sửa** đổi bổ sung năm 2009 mà Viện kiểm..*

4. Tại dòng 05 trang 5 từ dưới lên bản án nêu trên có ghi:... điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được **sử** đổi bổ sung năm 2009.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: :... *điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được **sửa** đổi bổ sung năm 2009.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Hưng Mỹ, huyện C;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn A Đam

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 31 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Nhũ Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí huyện C

Ông **Nguyễn Quốc Trung**

Nơi công tác: Phòng nông nghiệp huyện C

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2017 tại khu vực nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự bị cáo Lâm Văn Xuân.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: *Tuyên bố:* Bị cáo **Lâm Văn Xuân** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Áp dụng: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về mức hình phạt: Bị cáo Lâm Văn Xuân 01 năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2017.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về các vấn đề khác:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C khi án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hành

Nguyễn Quốc Trung

Trần Nhủ Khuyên

